HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **XÃ KHÁNH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2026/NQ-HĐND	*Khánh Bình, ngày 15 tháng 9 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của xã Khánh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Xét Tờ trình số 139/TTr-UBND ngày 31/8/2026 của Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình về ban hành Nghị quyết quy định mức khoán chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã Khánh Bình (sau thẩm tra); Báo cáo thẩm tra số 28/BC-VH-XH ngày 11/9/2026 của Ban Văn hóa – Xã hội HĐND xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp;

Hội đồng nhân dân xã Khánh Bình ban hành Nghị quyết quy định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã Khánh Bình.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của xã Khánh Bình, gồm: Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã và Quyết định Ủy ban nhân dân xã theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, đơn vị được giao chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

3. Cán bộ, công chức, viên chức và cá nhân tham gia xây dựng văn bản.

Điều 3. Tổng mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Định mức khoán chi đối với việc xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã và quyết định của Ủy ban nhân dân xã theo quy định tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP, cụ thể:

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã là 10.000.000 đồng/01 văn bản.

b) Quyết định của Ủy ban nhân dân xã là 8.000.000 đồng/01 văn bản.

2. Định mức khoán chi đối với văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung

a) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên, mức chi bằng 100% tổng mức chi đối với từng loại văn bản quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật, mức chi bằng 60% tổng mức chi đối với từng loại văn bản quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật, mức chi bằng 30% tổng mức chi đối với từng loại văn bản quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật là Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, quyết định của Ủy ban nhân dân xã.

a) Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã ban hành mới, thay thế thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân xã ban hành mới, thay thế thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

c) Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thực hiện theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

d) Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thực hiện theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết này.

đ) Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần và bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Người đứng đầu các cơ quan: chủ trì soạn thảo, cơ quan thẩm định, cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành và cơ quan được

giao nhiệm vụ thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật căn cứ tình hình thực tế và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này để quyết định mức chi đối với từng hoạt động, sản phẩm cụ thể do cơ quan, đơn vị mình thực hiện.

Điều 5. Lập dự toán, quyết toán và kinh phí thực hiện

1. Hàng năm, cơ quan phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã lập dự toán đối với kinh phí bảo đảm công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã trình cấp có thẩm quyền phân bổ theo quy định.

2. Việc thanh, quyết toán theo phương thức khoán chi đối với từng nhiệm vụ, hoạt động quy định tại Điều 4 Nghị quyết này được thực hiện theo khoản 3 Điều 7 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản có liên quan.

3. Nguồn kinh phí khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của xã do ngân sách Nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật hiện hành, được bố trí trong dự toán hàng năm.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2026.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Hai Ban của Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Khánh Bình khóa XIII, Kỳ họp thứ Ba *(chuyên đề)* thông qua ngày 15 tháng 9 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Như Điều 7;
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Thường trực UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh (b/c);
- Thường trực Đảng ủy xã;
- UBND xã;
- BTT.UBMTTQVN xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã (t/h);
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.Ng.

CHỦ TỊCH

H.Đ.N.D XÃ KHÁNH BÌNH T. CÀ MAU

Nguyễn Quốc Tiến

Phụ lục 1

ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI ĐỐI VỚI NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ BAN HÀNH MỚI, THAY THẾ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Khánh Bình)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ	Định mức khoán chi 10.000.000 đồng/văn bản
1	Soạn thảo văn bản	50%	5.000.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	10%	1.000.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình	10%	1.000.000
4	Thẩm tra	20%	2.000.000
[redacted]	[redacted]ông qua	10%	1.000.000

Phụ lục 2

ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI CHO NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND XÃ BAN HÀNH MỚI, THAY THẾ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Khánh Bình)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ	Định mức khoán chi
I	**ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**	**100%**	**8.000.000**
1	Soạn thảo văn bản	70%	5.600.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	15%	1.200.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	15%	1.200.000

Phụ lục 3

ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI CHO NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA 02 VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRỞ LÊN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Khánh Bình)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt ộng	Tỷ lệ	Định mức khoán chi
I	**ĐỐI VỚI NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ**	**100%**	**10.000.0000**
1	Soạn thảo văn bản	50%	5.000.000
2	Thẩm ịnh hồ sơ dự thảo	10%	1.000.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình	10%	1.000.000
4	Thẩm tra	20%	2.000.000
5	Thông qua	10%	1.000.000
II	**ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**	**100%**	**8.000.000**
1	Soạn thảo văn bản	70%	5.600.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	15%	1.200.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	15%	1.200.000

Phụ lục 4

ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI CHO NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA 01 VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Khánh Bình)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ	Định mức khoán chi
I	**ĐỐI VỚI NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ**	**100%**	**6.000.000**
1	Soạn thảo văn bản	50%	3.000.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	10%	600.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình	10%	600.000
4	Thẩm tra	20%	1.200.000
5	Thông qua	10%	600.000
II	**ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**	**100%**	**4.800.000**
1	Soạn thảo văn bản	70%	3.360.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	15%	720.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	15%	720.000

Phụ lục 5

ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI CHO NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BÃI BỎ MỘT PHẦN HOẶC BÃI BỎ TOÀN BỘ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Khánh Bình)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ	Định mức khoán chi
I	**ĐỐI VỚI NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ**	**100%**	**3.000.000**
1	Soạn thảo văn bản	50%	2.500.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	10%	300.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình	10%	300.000
4	Thẩm tra	20%	600.000
5	Thông qua	10%	300.000
II	**ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**	**100%**	**2.400.000**
1	Soạn thảo văn bản	70%	1.680.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	15%	360.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	15%	360.000